MẪU BẢNG BÁO GIÁ TỦ BẾP

STT	Danh mục	Đơn giá (VNĐ)
I	**Tủ bếp gỗ tự nhiên**	
1	Tủ bếp gỗ Xoan Đào (loại cao cấp)	
2	Tủ bếp gỗ Xoan Đào (loại thường)	
3	Tủ bếp gỗ Sồi Nga trắng (loại cao cấp)	
4	Tủ bếp gỗ Sồi Nga trắng (loại thường)	
5	Tủ bếp gỗ Sồi Mỹ đỏ (loại cao cấp)	
6	Tủ bếp gỗ Sồi Mỹ đỏ (loại cao thường)	
7	Tủ bếp gỗ Dổi vàng (dổi lõi - dổi lụa)	
8	Tủ bếp gỗ Thông	
9	Tủ bếp gỗ óc chó	
10	Tủ bếp gỗ giáng hương	
	Quầy bar không tủ rượu = 3/4 giá tủ trên dưới (kích thước tiêu chuẩn)	
	Quầy bar có tủ rượu tính bằng giá tủ trên dưới (kích thước tiêu chuẩn)	
II	**Tủ bếp gỗ công nghiệp**	
1	Tủ bếp gỗ MDF chống ẩm loại ván thường (Quảng Bình, Thạch Thất sản xuất)	
2	Tủ bếp gỗ MDF chống ẩm ván thường. phủ veneer sồi , xoan 2 mặt	
3	Tủ bếp gỗ MDF Chống Ẩm	
4	Tủ bếp MDF chống ẩm thùng melamin trắng, mặt cánh lamiante 1 mặt	
5	Tủ bếp gỗ MDF chống ẩm thùng melamin trắng, mặt cánh Acrylic 1 mặt màu đơn sắc	
6	Tủ bếp gỗ nhựa Picomat trắng cơ bản	
7	Tủ bếp gỗ nhựa Picomat , mặt cánh Picomat phủ Laminate 1 mặt	
8	Tủ bếp gỗ nhựa Picomat, mặt cánh Picomat phủ Acrylic 1 mặt	
9	Tủ bếp inox 304 - 0.5 rem. Cánh Sồi Nga	
10	Tủ bếp inox 304 - 0.5 rem. Cánh Xoan đào HAGL	
11	Tủ bếp inox 304 - 0.5 rem. Cánh Acrylic An Cường	
12	Tủ bếp cánh bo nẹp nhôm bóng + 150.000/cánh tủ	
13	Tủ bếp gỗ MFC (ván dăm) - 100.000/md	

Ghi chú :

1. Giá trên chưa bao gồm thuế VAT
2. Giá đã bao gồm bản lề thép bật, tay nắm thường, ray bi thép 3 lớp, chi phí vận chuyển lắp đặt trong khu vực
3. Kích thước tủ bếp tiêu chuẩn : Tủ dưới cao 81cm cả mặt đá. Rộng 60cm cả mặt đá. Tủ trên cao 70cm, rộng 35cm. Phào tủ 5 đến12cm